CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 1408A/2026/CV-PGN	*Phú Thọ, ngày 14 tháng 08 năm 2026*

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) soát xét 6 tháng năm 2026 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Phụ Gia Nhựa.

- Mã chứng khoán: PGN
- Địa chỉ: TDP Minh Quyết, phường Vĩnh Phúc , tỉnh Phú Thọ
- Điện thoại liên hệ: 02113 717108
- Email: trandangcong2082@gmail.com Website: https://pgn.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC soát xét 6 tháng năm 2026

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

- Các trường hợp thộc diện phải giải trình nguyên nhân

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được soát xét/ được kiểm toán):

☐ Có ☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có ☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển lỗ sang hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024)

☐ Có ☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước ?

☒ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại ?

☐ Có ☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có ☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 14/08/2026 tại đường dẫn: https://pgn.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT/ NGƯỜI UQCBTT

Tài liệu đính kèm:
-BCTC soát xét 6 tháng năm 2026
- Văn bản giải trình

M.S.D.N:2500287403-C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA TP. VĨNH YÊN -T. VĨNH PHÚC

TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Đăng Công

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA
DN: C=VN, L=VĨNH PHÚC, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:2500287403, E=SONKK@GMAIL.COM.VN
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2026-08-14 20:02:01
Foxit Reader Version: 10.0.1

CÔNG TY CỔ PHẦN
PHỤ GIA NHỰA

Số: 1408B/2026/CV- PGN
V/v: Giải trình lợi nhuận 6 tháng 2026 tăng so với cùng kỳ năm trước

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phú Thọ, ngày 14 tháng 08 năm 2026

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Căn cứ vào báo cáo tài chính năm soát xét 6 tháng năm2026. Lợi nhuận sau thuế 6 tháng năm 2026 tăng hơn 10% so với 6 tháng năm 2025. Cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	6 tháng 2026	6 tháng 2025	Tăng /Giảm	% tăng giảm
Lợi nhuận sau thuế TNDN	646.157.162	494.905.186	151.251.976	30,56%

Lợi nhuận sau thuế 6 tháng năm 2026 tăng 151.251.976 đồng, tăng 30,56% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân dẫn đến lợi nhuận 6 tháng năm 2026 tăng là do: Doanh thu từ hoạt động tài chính tăng.

Chỉ tiêu	6 tháng 2026	6 tháng 2025	Tăng /Giảm	% tăng giảm
Doanh thu từ hoạt động tài chính	2.464.644.934	691.158.854	1.773.468.080	256,6%

Trên đây là giải trình lý do lợi nhuận tăng so với cùng kỳ năm trước của Công ty cổ phần Phụ Gia Nhựa.

Trân trọng báo cáo!

Nơi nhận:
- *Như trên*
- *HĐQT*
- *Lưu VT*

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA
TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N:2500287403-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA
TP. VĨNH YÊN -T. VĨNH PHÚC

TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Đặng Công

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Tháng 8 năm 2026

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Cộng ty trong 6 tháng đầu năm 2026 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Ngô Hoài Thanh	Chủ tịch
Ông Trần Đặng Công	Phó Chủ tịch
Ông Chu Văn Phương	Thành viên
Ông Đồng Văn Nhất	Thành viên
Ông Đỗ Huy Tuân	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Đặng Công	Tổng Giám đốc
Bà Dương Thị Hải Hà	Giám đốc sản xuất

Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Duyên	Trưởng Ban
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Phú	Thành viên

Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Nga	Quyền Kế toán trưởng

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30/06/2026 có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 của Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2026 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng: sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

M.S.D.N: 2500287403 C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA
T. VĨNH YÊN - T. VĨNH PHÚC

Trần Đặng Công
Tổng Giám đốc
Phú Thọ, ngày 14 tháng 8 năm 2026

UHY
Connect to possibility

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Tầng 5, Toà B2, Roman Plaza, Đường Tố Hữu,
Phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội
T: +84 24 5678 3999
E: uhy-info@uhy.vn
uhy.vn

Số: 906/2026/UHY-BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14/08/2026, từ trang 5 đến trang 35 kèm theo, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30/06/2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa tại ngày 30/6/2026 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
MSDN: 0102021062
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Phạm Gia Đạt
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận ĐKHNKT số: 0798-2023-112-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu năm (VND)
TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**88.585.422.631**	**112.387.653.100**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**58.786.514.400**	**733.624.911**
Tiền	111		786.418.322	733.528.833
Các khoản tương đương tiền	112		58.000.096.078	96.078
Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**12**	**8.555.217.211**	**67.508.268.489**
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		8.555.217.211	67.508.268.489
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**13.232.121.010**	**32.659.158.815**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	5.503.261.015	19.794.847.415
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		62.805.200	12.564.311.400
Phải thu ngắn hạn khác	135	10	7.666.054.795	300.000.000
Hàng tồn kho	**140**	**9**	**7.729.239.741**	**11.203.519.159**
Hàng tồn kho	141		7.729.239.741	11.203.519.159
Tài sản ngắn hạn khác	**160**		**282.330.269**	**283.081.726**
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	6	276.182.240	155.938.522
Thuế GTGT được khấu trừ	162		4.752.294	125.747.469
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163		1.395.735	1.395.735
TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**59.244.382.004**	**60.564.613.817**
Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**108.136.671**	**235.191.293**
Phải thu dài hạn khác	215	10	108.136.671	235.191.293
Tài sản cố định	**220**		**17.808.500.029**	**19.004.609.597**
Tài sản cố định hữu hình	221	11	17.335.586.065	17.754.586.347
- Nguyên giá	*222*		*33.015.214.287*	*31.409.684.296*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(15.679.628.222)*	*(13.655.097.949)*
Tài sản cố định thuê tài chính	224	7	472.913.964	1.250.023.250
- Nguyên giá	*225*		*1.236.000.000*	*2.812.909.091*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*226*		*(763.086.036)*	*(1.562.885.841)*
Tài sản dở dang dài hạn	**250**		**745.948.500**	**745.948.500**
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		745.948.500	745.948.500
Đầu tư tài chính dài hạn	**260**	**12**	**39.383.000.000**	**39.383.000.000**
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		39.383.000.000	39.383.000.000
Tài sản dài hạn khác	**270**		**1.198.796.804**	**1.195.864.427**
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	6	1.198.796.804	1.195.864.427
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**280**		**147.829.804.635**	**172.952.266.917**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu năm (VND)
NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**37.510.429.688**	**63.279.049.132**
Nợ ngắn hạn	**310**		**37.510.429.688**	**63.224.912.332**
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	7.647.175.923	12.038.530.671
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		110.745.591	110.745.591
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	15	544.897.776	735.993.057
Phải trả người lao động	315		109.206.547	193.802.372
Chi phí phải trả ngắn hạn	316		268.036.922	137.301.116
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	14	28.186.391.042	49.364.563.638
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		643.975.887	643.975.887
Nợ dài hạn	**330**		-	**54.136.800**
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	14	-	54.136.800
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**	**16**	**110.319.374.947**	**109.673.217.785**
Vốn góp của chủ sở hữu	411		94.648.590.000	94.648.590.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*94.648.590.000*	*94.648.590.000*
Thặng dư vốn	412		(134.050.000)	(134.050.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		6.787.063.739	6.787.063.739
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		9.017.771.208	8.371.614.046
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*420a*		*8.371.614.046*	*6.485.340.208*
- LNST chưa phân phối kỳ này	*420b*		*646.157.162*	*1.886.273.838*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**147.829.804.635**	**172.952.266.917**

Phê duyệt, ngày 14 tháng 8 năm 2026

Nguyễn Thị Nga	Nguyễn Thị Nga	Trần Đặng Công
Người lập biểu	**Quyền Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	47.929.832.500	68.729.806.313
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		47.929.832.500	68.729.806.313
Giá vốn hàng bán	11	18	46.541.085.461	67.209.728.538
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**1.388.747.039**	**1.520.077.775**
Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	22	19	2.464.644.934	691.158.854
Chi phí tài chính	23	20	1.760.343.449	2.229.424.102
- Trong đó: Chi phí đi vay	*24*		*1.760.343.449*	*2.229.424.102*
Chi phí bán hàng	25	21	30.780.912	7.245.090
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	1.169.557.185	1.100.761.753
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**892.710.427**	**(1.126.194.316)**
Thu nhập khác	31		20	2.769.051.652
Chi phí khác	32	22	68.631.062	735.668.676
Lợi nhuận khác	**40**		**(68.631.042)**	**2.033.382.976**
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**824.079.385**	**907.188.660**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		177.922.223	412.283.474
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**646.157.162**	**494.905.186**
Lãi/Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**24**	**68**	**52**

Phê duyệt, ngày 14 tháng 8 năm 2026

Nguyễn Thị Nga	**Nguyễn Thị Nga**	**Trần Đặng Công**
Người lập biểu	**Quyền Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		**824.079.385**	**907.188.660**
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.224.730.468	1.458.251.152
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(2.464.644.934)	(3.460.210.506)
Chi phí đi vay	06		1.760.343.449	2.229.424.102
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	*08*		**1.344.508.368**	**1.134.653.408**
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		19.762.253.004	(19.053.347.013)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3.474.279.418	72.379.336.469
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(4.019.582.116)	9.631.486.587
Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(123.176.095)	(203.499.844)
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Chi phí đi vay đã trả	14		(1.845.595.527)	(2.869.612.236)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(648.745.077)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	*20*		**17.943.941.975**	**61.019.017.371**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	3.411.003.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(58.000.000.000)	(49.582.925.346)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		119.088.563.857	520.913.973
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27		213.346.053	257.654.884
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	*30*		**61.301.909.910**	**(45.393.353.489)**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		28.023.980.642	55.360.454.321
Tiền trả nợ gốc vay	34		(49.216.943.038)	(73.299.598.912)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	(336.416.850)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	*40*		**(21.192.962.396)**	**(18.275.561.441)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**	**5**	**58.052.889.489**	**(2.649.897.559)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		733.624.911	2.916.357.009
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**5**	**58.786.514.400**	**266.459.450**

Phê duyệt, ngày 14 tháng 8 năm 2026

Nguyễn Thị Nga	**Nguyễn Thị Nga**	**Trần Đặng Công**
Người lập biểu	**Quyền Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa (sau đây gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 2500287403 do Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ thay đổi lần 10 ngày 11/03/2024. Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 94.648.590.000 đồng, chia thành 9.464.859 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại Tổ dân phố Minh Quyết, Phường Vĩnh Phúc, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Trần Đặng Công.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) từ ngày 04 tháng 07 năm 2019 với mã chứng khoán là PGN.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2026 bao gồm:

- Sản xuất các sản phẩm hóa chất khác;
- Sản xuất sản phẩm khác từ cao su;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Dịch vụ lưu giữ hàng hóa.

CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2026 là 10 người (tại ngày 01/01/2026 là 10 người).

TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Công ty đã áp dụng phi hồi tố các yếu tố có liên quan của Thông tư 99 kể từ ngày 01/01/2026, trừ trường hợp Thông tư 99 có quy định khác. Những thay đổi trọng yếu trong các chính sách kế toán của Công ty và ảnh hưởng đối với báo cáo tài chính, nếu có, được trình bày trong các thuyết Minh sau của báo cáo tài chính:

- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 12);
- Các khoản phải thu khác (Thuyết minh số 10)

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

KỲ KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026.

ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và lập Báo cáo tài chính này là đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ tại Việt Nam.

ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN MỚI VỀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Công ty đã áp dụng các yêu cầu có liên quan của Thông tư 99 kể từ ngày 01/01/2026 trên cơ sở phi hồi tố, có phân loại lại một số chỉ tiêu tương ứng, trừ trường hợp Thông tư 99 có quy định cụ thể khác. Những thay đổi trọng yếu trong các chính sách kế toán của Công ty và ảnh hưởng đối với báo cáo tài chính, nếu có, được trình bày trong các thuyết Minh sau của báo cáo tài chính:

- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 12);
- Các khoản phải thu khác (Thuyết minh số 10)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026.

ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Việc trích lập dự phòng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư và tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn nợ gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng; được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.;
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán

CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI (TIẾP)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng phải thu khó đòi được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ sản phẩm.

Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Là khoản dự tính trước để đưa vào chi phí sản xuất, kinh doanh phần giá trị bị giảm xuống thấp hơn giá trị đã ghi sổ kế toán của hàng tồn kho và nhằm bù đắp các khoản thiệt hại thực tế xảy ra do vật tư, sản phẩm, hàng hóa tồn kho bị giảm giá.

Việc trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải tính theo từng loại vật tư, hàng hóa, sản phẩm tồn kho. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỔ

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí chờ phân bổ để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Chi phí chờ phân bổ của Công ty bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí sửa chữa hoàn thiện văn phòng và các chi phí khác, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành. Trong đó:

- Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng: được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

- Chi phí trả trước khác bao gồm các chi phí bảo hiểm, chi phí thuê cửa hàng và các chi phí khác được ghi nhận theo giá gốc và phân bổ theo thời gian thực hiện.

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá và hao mòn luỹ kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái cần thiết để nó có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác (nếu có). Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các tài sản cố định cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	25
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	10

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cộng (+) với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay được ghi trong hợp đồng thuê hoặc tỷ lệ lãi suất biên đi vay của Công ty.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm/Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

Nhóm tài sản	**Thời gian khấu hao (năm)**
Máy móc, thiết bị	05 - 10

CHI PHÍ XÂY DỰNG DỞ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Trường hợp dự án đã hoàn thành đưa vào trạng thái có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của doanh nghiệp nhưng quyết toán dự án chưa được duyệt thì ghi tăng nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (giá tạm tính phải căn cứ vào chi phí thực tế đã phát sinh, chi phí ước tính chắc chắn sẽ phải bỏ ra để có được tài sản cố định) để trích khấu hao tài sản cố định, nhưng sau đó phải điều chỉnh theo giá quyết toán được phê duyệt.

NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận theo giá trị nghĩa vụ hiện tại mà Công ty phải thanh toán trong tương lai, phát sinh từ các giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ đã nhận được hoặc các nghĩa vụ tài chính khác tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chi phí phải trả được ghi nhận trên cơ sở các ước tính hợp lý và đáng tin cậy về số tiền phải trả, căn cứ vào các thông tin và điều kiện hiện có tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết nợ phải trả theo kỳ hạn trả nợ gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Nợ phải trả không được ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ (TIẾP)

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán: Phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Chi phí phải trả: Phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả cổ tức lợi nhuận: Phản ánh các khoản cổ tức, lợi nhuận doanh nghiệp trả cho chủ sở hữu của doanh nghiệp (cổ đông).

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá trị thực nhận. Chi phí giao dịch và chi phí tài chính phát sinh liên quan đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp được vốn hóa theo chính sách chi phí đi vay của Công ty.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận theo giá trị còn phải thanh toán, bao gồm gốc và lãi phải trả theo các điều khoản vay hoặc hợp đồng thuê. Lãi vay và chi phí tài chính liên quan được ghi nhận vào chi phí của kỳ phát sinh, trừ trường hợp được vốn hóa theo chính sách chi phí đi vay của Công ty.

Đối với các hợp đồng thuê đủ điều kiện phân loại là thuê tài chính, tài sản và nghĩa vụ nợ thuê được ghi nhận phù hợp với bản chất kinh tế của giao dịch.

CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ phát sinh, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang đủ điều kiện, khi đó chi phí đi vay được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản tương ứng cho đến khi tài sản sẵn sàng đưa vào sử dụng hoặc khai thác theo dự kiến.

VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế chủ sở hữu đã góp.

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông và được cơ quan quản lý có thẩm quyền chấp thuận (nếu có).

Thặng dư vốn được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại và giá tái phát hành cổ phiếu mua lại của chính mình, cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn và chi phí phát hành cổ phiếu tương ứng với số cổ phiếu phát hành thành công.

VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp, tình hình phân chia lợi nhuận hoặc áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố các sai sót trọng yếu của các năm trước. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư, trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam và được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

DOANH THU

Doanh thu được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế, được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận, không phân biệt đã thu tiền hay sẽ thu được tiền. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

CHI PHÍ

Giá vốn được ghi nhận khi các chi phí liên quan đến việc tạo ra doanh thu đã phát sinh và có thể xác định một cách đáng tin cậy, phù hợp với doanh thu tương ứng theo nguyên tắc phù hợp, không phụ thuộc vào thời điểm chi trả. Trường hợp cần thiết, các khoản chi phí có liên quan trực tiếp đến doanh thu trong kỳ được ước tính và ghi nhận trên cơ sở các giả định hợp lý và nhất quán. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí ngoài giá vốn bao gồm chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và các chi phí hoạt động khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trên cơ sở phù hợp với doanh thu liên quan và không phụ thuộc vào thời điểm chi trả. Các khoản chi phí này được ghi nhận khi có đầy đủ bằng chứng về việc phát sinh nghĩa vụ và có thể xác định một cách đáng tin cậy.

Các khoản chi phí không mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ theo nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí được phân loại và trình bày phù hợp với bản chất kinh tế của từng loại chi phí theo quy định của chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành.

THUẾ

Thuế GTGT đầu vào được hạch toán theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%.

Các loại thuế khác được thực hiện theo các qui định hiện hành của Nhà nước.

CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu năm (VND)
- Tiền mặt	767.202.528	437.419.767
- Tiền gửi không kỳ hạn	19.215.794	296.109.066
- Tương đương tiền (*)	58.000.096.078	96.078
Cộng	**58.786.514.400**	**733.624.911**

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi Nhánh Quang Minh với số dư gốc tiền gửi là 58 tỷ đồng, lãi suất 4,75%/năm.

6. CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỔ

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu năm (VND)
Ngắn hạn	**276.182.240**	**155.938.522**
- Chi phí mua bảo hiểm	96.416.560	152.717.967
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	179.765.680	3.220.555
Dài hạn	**1.198.796.804**	**1.195.864.427**
- Chi phí đền bù xây dựng	1.044.629.467	1.060.700.689
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	9.637.549	2.381.921
- Chi phí mua bảo hiểm	3.769.405	10.611.717
- Chi phí khác	140.760.383	122.170.100
Cộng	**1.474.979.044**	**1.351.802.949**

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	**2.812.909.091**	**2.812.909.091**
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	*(1.576.909.091)*	*(1.576.909.091)*
Số dư cuối kỳ	**1.236.000.000**	**1.236.000.000**
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	**1.562.885.841**	**1.562.885.841**
Khấu hao trong kỳ	*215.279.287*	*215.279.287*
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	*(1.015.079.092)*	*(1.015.079.092)*
Số dư cuối kỳ	**763.086.036**	**763.086.036**
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	**1.250.023.250**	**1.250.023.250**
Tại ngày cuối kỳ	**472.913.964**	**472.913.964**

8. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ (VND)		Số đầu năm (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	**5.503.261.015**	-	**19.794.847.415**	-
- Ông Chu Văn Phương	-	-	10.927.554.000	-
- Ông Nguyễn Quốc Bình	-	-	336.014.000	-
- Công ty Cổ phần công nghệ Biển Đông	72.816.000	-	72.816.000	-
- Công ty cổ phần Phụ Gia Nhựa Vĩnh Phúc	5.430.445.015	-	7.831.463.415	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Tân Phú Quý Việt Nam	-	-	627.000.000	-
Cộng	**5.503.261.015**	-	**19.794.847.415**	-
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan *(Chi tiết xem tại thuyết minh số 25)*	**5.430.445.015**	-	**19.095.031.415**	-

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ (VND)		Số đầu năm (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	4.328.765.290	-	3.489.185.801	-
- Sản phẩm	3.400.474.451	-	7.714.333.358	-
Cộng	**7.729.239.741**	-	**11.203.519.159**	-

10. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ (VND)		Số đầu năm (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn	**7.666.054.795**	**-**	**300.000.000**	**-**
- Tạm ứng	7.500.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	166.054.795	-	300.000.000	-
Dài hạn	**108.136.671**	**-**	**235.191.293**	**-**
- Ký cược, ký quỹ	80.093.800	-	184.168.800	-
- Phải thu khác	28.042.871	-	51.022.493	-
Cộng	**7.774.191.466**	**-**	**535.191.293**	**-**
Phải thu khác là bên liên quan *(Xem chi tiết tại thuyết minh số 25)*	**7.500.000.000**		-	

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	**20.320.214.327**	**7.776.551.787**	**3.312.918.182**	**31.409.684.296**
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	*1.605.529.991*	-	*1.605.529.991*
Số dư cuối kỳ	**20.320.214.327**	**9.382.081.778**	**3.312.918.182**	**33.015.214.287**
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	**6.670.816.883**	**5.794.745.514**	**1.189.535.552**	**13.655.097.949**
Khấu hao trong kỳ	*419.381.904*	*424.423.365*	*165.645.912*	*1.009.451.181*
Khấu hao chuyển từ TSCĐ thuê tài chính	-	*1.015.079.092*	-	*1.015.079.092*
Số dư cuối kỳ	**7.090.198.787**	**7.234.247.971**	**1.355.181.464**	**15.679.628.222**
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	**13.649.397.444**	**1.981.806.273**	**2.123.382.630**	**17.754.586.347**
Tại ngày cuối kỳ	**13.230.015.540**	**2.147.833.807**	**1.957.736.718**	**17.335.586.065**

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày cuối kỳ là 3.017.049.779 đồng (Tại ngày đầu năm là 3.017.049.779 đồng).
- Giá trị còn lại TSCĐ hữu hình cuối kỳ được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay là 15.187.752.258 đồng (Tại ngày đầu năm là 15.772.780.074 đồng).

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ (VND)			Số đầu năm (VND)		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn	**8.555.217.211**	**8.555.217.211**	-	**67.508.268.489**	**67.508.268.489**	-
Số dư gốc các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	***6.100.000.000***	***6.100.000.000***	-	***67.179.992.433***	***67.179.992.433***	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	6.100.000.000	6.100.000.000	-	12.179.992.433	12.179.992.433	-
- Cho vay	-	-	-	55.000.000.000	55.000.000.000	-
+ Ông Trần Văn Thời	-	-	-	*12.000.000.000*	*12.000.000.000*	-
+ Ông Nguyễn Văn Quý	-	-	-	*12.000.000.000*	*12.000.000.000*	-
+ Ông Hoàng Văn Chuyên	-	-	-	*16.000.000.000*	*16.000.000.000*	-
+ Ông Lê Văn Hà	-	-	-	*15.000.000.000*	*15.000.000.000*	-
Lãi dự thu các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	***2.455.217.211***	***2.455.217.211***	-	***328.276.056***	***328.276.056***	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	14.900.384	14.900.384	-	39.942.723	39.942.723	-
- Cho vay	2.440.316.827	2.440.316.827	-	288.333.333	288.333.333	-
+ Ông Trần Văn Thời	*762.666.666*	*762.666.666*	-	*76.000.000*	*76.000.000*	-
+ Ông Nguyễn Văn Quý	*331.833.331*	*331.833.331*	-	*62.666.666*	*62.666.666*	-
+ Ông Hoàng Văn Chuyên	*762.666.666*	*762.666.666*	-	*48.000.000*	*48.000.000*	-
+ Ông Lê Văn Hà	*272.916.667*	*272.916.667*	-	*101.666.667*	*101.666.667*	-
+ Bà Nguyễn Thuỳ Trang	*293.333.333*	*293.333.333*	-	-	-	-
+ Công ty TNHH Hóa chất Hồng Phát	*16.900.164*	*16.900.164*	-	-	-	-
Cộng	**8.555.217.211**	**8.555.217.211**	-	**67.508.268.489**	**67.508.268.489**	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với các bên liên quan *(Xem chi tiết tại thuyết minh số 25)*	**16.900.164**	**16.900.164**	-	-	-	-

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN (TIẾP)

(*) Số dư tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Phát triển TPHCM với tổng giá trị tại 30/06/2026 là 6.100.000.000 đồng, được dùng làm tài sản đảm bảo theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1661/26MBMB/HĐTD ngày 30/01/2026 với Ngân hàng TMCP Phát triển TPHCM.

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

	Số cuối kỳ (VND)			Số đầu năm (VND)		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	**39.383.000.000**	-	-	**39.383.000.000**	-	-
- Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa Vĩnh Phúc	39.383.000.000	(*)	-	39.383.000.000	(*)	-
Cộng	**39.383.000.000**	-	-	**39.383.000.000**	-	-

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này để Thuyết minh trong Báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường của khoản đầu tư này và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có lên quan chưa hướng dẫn về các tính giá trị hợp lý.

Tại ngày 30/06/2026, thông tin về khoản đầu tư vào Công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	49%	49%	Sản xuất mặt hàng phụ gia nhựa

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu năm (VND)
Phải trả người bán ngắn hạn	**7.647.175.923**	**12.038.530.671**
- Công ty TNHH CEN Việt Nam	522.940.000	822.940.000
- Công ty Cổ Phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong	6.238.521.980	9.238.521.980
- Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Trung Sơn	223.440.000	1.093.640.000
- Các đối tượng khác	662.273.943	883.428.691
Cộng	**7.647.175.923**	**12.038.530.671**
Phải trả người bán là các bên liên quan *(Chi tiết tại thuyết minh số 25)*	**6.245.813.716**	**9.238.521.980**

14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ (VND)	Trong năm (VND)		Số đầu năm (VND)
		Tăng	Giảm	
a) Vay ngắn hạn	**28.023.980.642**	**28.023.980.642**	**48.983.474.443**	**48.983.474.443**
- Vay ngắn hạn VND Ngân hàng TMCP Tiên Phong (1)	19.154.972.000	19.154.972.000	31.741.270.461	31.741.270.461
- Vay ngắn hạn VND Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	-	1.897.000.000	1.897.000.000
- Vay ngắn hạn VND Ngân hàng Shinhan	-	-	6.000.000.000	6.000.000.000
- Vay ngắn hạn VND Ngân hàng TMCP phát triển TP HCM – Chi nhánh Hà Nội (2)	8.869.008.642	8.869.008.642	9.345.203.982	9.345.203.982
b) Vay dài hạn đến hạn trả	**162.410.400**	**54.136.800**	**272.815.595**	**381.089.195**
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease - CN Hà Nội (3)	162.410.400	54.136.800	272.815.595	381.089.195
c) Vay dài hạn	-	-	**54.136.800**	**54.136.800**
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease - CN Hà Nội (3)	-	-	54.136.800	54.136.800
Cộng	**28.186.391.042**	**28.078.117.442**	**49.310.426.838**	**49.418.700.438**

(1) Theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 95/2026/HDTD/TTKD HO ngày 31/03/2026 và Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 16/2026/HDTD/TTKD HO ngày 16/01/2026 giữa Ngân hàng TMCP Tiên Phong và Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa với hạn mức tín dụng lần lượt là 25 tỷ đồng và 3 tỷ đồng. Thời hạn cho vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất linh hoạt được quy định cụ thể tại từng văn bản nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh thanh toán phục vụ hoạt động thương mại hạt nhựa, hóa chất công nghiệp, chất phụ gia. Tài sản đảm bảo gồm:

- 2 xe ô tô Toyota Innova 2.0G và GLC 300 4 Matic thuộc sở hữu của Công ty với giá trị còn lại tại ngày 30/06/2026 là 1.957.736.718 đồng

- Nhà xưởng, văn phòng, công trình xây dựng gắn liền với đất tại phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ theo GCN QSDĐ số DD 549025 thuộc sở hữu của Công ty với giá trị còn lại tại ngày 30/06/2026 là 13.230.015.540 đồng.

14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(2) Theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1661/26MB/HĐTD ngày 30/01/2026 giữa Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa và Ngân hàng TMCP phát triển TP HCM – Chi nhánh Hà Nội với hạn mức tín dụng 15 tỷ đồng. Thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày ký kết Hợp đồng. Mục đích sử dụng hạn mức tín dụng là bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh phụ gia nhựa. Lãi suất được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là số dư tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM – chi nhánh Hùng Vương – PGD Từ Liêm với tổng giá trị 6,1 tỷ đồng.

(3) Là khoản nợ thuê tài chính giữa Công ty CP Phụ Gia Nhựa và Công ty cho thuê tài chính MTV Quốc tế Chailease – CN Hà Nội theo Hợp đồng cho thuê tài chính số C221028512 ngày 18/10/2022, với giá trị tiền thuê gốc là 974.462.400 đồng, thời hạn cho thuê là 54 tháng.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm (VND)	Số phải nộp trong kỳ (VND)	Số đã thực nộp trong kỳ (VND)	Số cuối kỳ (VND)
Phải nộp	**735.993.057**	**905.464.554**	**1.096.559.835**	**544.897.776**
- Thuế GTGT đầu ra	-	357.933.218	357.933.218	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	648.745.076	177.922.223	648.745.077	177.922.222
- Thuế thu nhập cá nhân	5.027.720	12.778.856	7.661.279	10.145.297
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	82.220.261	356.830.257	82.220.261	356.830.257
Phải thu	**1.395.735**	-	-	**1.395.735**
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.395.735	-	-	1.395.735

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1. CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	*94.648.590.000*	*94.648.590.000*
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	*94.648.590.000*	*94.648.590.000*
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

16.2 CỔ PHIẾU

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành (CP)	9.464.859	9.464.859
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng (CP)	9.464.859	9.464.859
Cổ phiếu phổ thông (CP)	*9.464.859*	*9.464.859*
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (CP)	9.464.859	9.464.859
Cổ phiếu phổ thông (CP)	9.464.859	9.464.859
** Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)*	10.000	10.000

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

16.3 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	**94.648.590.000**	**(134.050.000)**	**6.787.063.739**	**6.485.340.208**	**107.786.943.947**
- Lãi trong năm trước	-	-	-	1.886.273.838	1.886.273.838
Số dư đầu năm này	**94.648.590.000**	**(134.050.000)**	**6.787.063.739**	**8.371.614.046**	**109.673.217.785**
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	646.157.162	646.157.162
Số dư cuối kỳ này	**94.648.590.000**	**(134.050.000)**	**6.787.063.739**	**9.017.771.208**	**110.319.374.947**

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa	47.329.832.500	67.603.606.313
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	600.000.000	1.126.200.000
Cộng	**47.929.832.500**	**68.729.806.313**
	42.499.032.500	**7.120.657.500**

Doanh thu với các bên liên quan
(Chi tiết xem tại thuyết minh số 25)

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
- Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa đã bán	46.332.496.349	66.953.902.609
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	208.589.112	255.825.929
Cộng	**46.541.085.461**	**67.209.728.538**

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.464.644.934	691.158.854
Cộng	**2.464.644.934**	**691.158.854**

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
- Chi phí đi vay	1.760.343.449	2.229.424.102
Cộng	**1.760.343.449**	**2.229.424.102**

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	**1.169.557.185**	**1.100.761.753**
- Chi phí nhân viên quản lý	168.320.910	271.162.341
- Chi phí vật liệu quản lý	-	423.604
- Chi phí đồ dùng văn phòng	2.191.921	3.124.316
- Thuế phí, lệ phí	23.324.412	45.199.583
- Chi phí khấu hao TSCĐ	218.303.220	218.303.220
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	681.596.382	364.991.571
- Chi phí quản lý khác	75.820.340	197.557.118
b) Các khoản chi phí bán hàng	**30.780.912**	**7.245.090**
- Chi phí khấu hao TSCĐ	30.780.912	358.423
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	5.916.667
- Chi phí bán hàng khác	-	970.000

22. CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
- Các khoản bị phạt	21.758.554	101.820.701
- Các khoản chi phí khác	46.872.508	633.847.975
Cộng	**68.631.062**	**735.668.676**

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Khoản mục	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	40.697.516.430	69.576.362.336
- Chi phí nhân công	704.383.189	653.345.016
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.224.730.468	1.458.251.152
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	704.920.794	413.464.224
- Chi phí khác bằng tiền	166.479.994	320.091.377
Cộng	**43.498.030.875**	**72.421.514.105**

24. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	646.157.162	494.905.186
- Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	646.157.162	494.905.186
- Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (CP)	9.464.859	9.464.859
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**68**	**52**

25. THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN

Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ:

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
- Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	28.203.980.642	55.360.454.321
- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	48.983.474.443	73.199.598.912

Thông tin với các bên liên quan

Mối quan hệ của Công ty với các bên liên quan cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2026 như sau:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty TNHH Hoá chất Hồng Phát	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc của Công ty CP Phụ gia nhựa là Giám đốc kinh doanh của Công ty TNHH Hóa chất Hồng Phát
2	Công ty CP Hóa chất Thăng Long	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc của Công ty CP Phụ gia nhựa là Chủ tịch HĐQT của Công ty CP Hóa chất Thăng Long
3	Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Vạn Lộc Phát	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc của Công ty CP Phụ gia nhựa là Thành viên HĐQT của Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Vạn Lộc Phát; Thành viên HĐQT của Công ty CP Phụ gia nhựa là Chủ tịch HĐQT của Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Vạn Lộc Phát
4	Công ty Cổ Phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong	Thành viên HĐQT của Công ty cổ phần Phụ Gia Nhựa là Tổng giám đốc của Công ty Cổ phần Nhựa thiếu niên Tiền Phong
5	Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa Vĩnh Phúc	Công ty liên kết
6	Bà Ngô Hoài Thanh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
7	Ông Chu Văn Phương	Thành viên Hội đồng Quản trị
8	Ông Trần Đặng Công	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
9	Ông Nguyễn Trọng Cường	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa Vĩnh Phúc
10	Ông Nguyễn Quốc Bình	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa Vĩnh Phúc

25. THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Thu nhập và tiền lương của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát:

		Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ban Giám đốc điều hành		**195.946.729**	**195.171.035**
- Ông Trần Đặng Công	Tổng Giám đốc	94.306.242	99.990.946
- Bà Dương Thị Hải Hà	Giám đốc sản xuất	101.640.487	95.180.089

Giao dịch với các bên liên quan

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	**42.499.032.500**	**7.120.657.500**
- Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa Vĩnh Phúc	42.292.520.000	-
- Công ty TNHH Hoá chất Hồng Phát	206.512.500	5.511.982.500
- Công ty Cổ phần Hoá chất Thăng Long	-	297.700.000
- Công ty CP ĐTTM và Dịch vụ Vạn Lộc Phát	-	1.310.975.000
Chuyển nhượng cổ phần với bên liên quan	-	**67.109.110.000**
- Ông Trần Đặng Công	-	32.425.820.000
- Ông Chu Văn Phương	-	26.582.160.000
- Bà Ngô Hoài Thanh	-	4.000.000.000
Mua hàng hóa, dịch vụ	**20.914.810.400**	**38.702.689.500**
- Công ty TNHH Hoá chất Hồng Phát	20.908.460.000	24.158.489.500
- Công ty CP ĐTTM và Dịch vụ Vạn Lộc Phát	-	14.544.200.000
- Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa Vĩnh Phúc	6.350.400	-
Vay bên liên quan	**5.040.966.500**	**2.202.000.000**
- Ông Trần Đặng Công	-	2.202.000.000
- Công ty TNHH Hoá chất Hồng Phát	5.040.966.500	-
Trả gốc vay bên liên quan	**5.040.966.500**	**2.202.000.000**
- Ông Trần Đặng Công	-	2.202.000.000
- Công ty TNHH Hoá chất Hồng Phát	5.040.966.500	-
Lãi vay đã trả bên liên quan	-	**547.010.862**
- Ông Trần Đặng Công	-	317.965.588
- Ông Chu Văn Phương	-	229.045.274
Cho vay, mượn tiền	**8.450.000.000**	-
- Công ty TNHH Hoá chất Hồng Phát	8.450.000.000	-
Thu hồi tiền cho vay, mượn	**8.450.000.000**	-
- Công ty TNHH Hoá chất Hồng Phát	8.450.000.000	-
Lãi cho vay	**16.900.164**	-
- Công ty TNHH Hoá chất Hồng Phát	16.900.164	-
Chi phí lãi vay phải trả	**13.800.838**	-
- Công ty TNHH Hoá chất Hồng Phát	13.800.838	-

25. THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Số dư với các bên liên quan

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu năm (VND)
Phải thu khách hàng	**5.430.445.015**	**19.095.031.415**
- Ông Chu Văn Phương	-	10.927.554.000
- Ông Nguyễn Quốc Bình	-	336.014.000
- Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa Vĩnh Phúc	5.430.445.015	7.831.463.415
Tạm ứng	**7.500.000.000**	-
- Ông Trần Đặng Công	7.500.000.000	-
Trả trước cho người bán	-	**12.526.506.200**
- Công ty TNHH Hóa chất Hồng Phát	-	12.526.506.200
Phải trả người bán	**6.245.813.716**	**9.238.521.980**
- Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong	6.238.521.980	9.238.521.980
- Công ty Cổ phần Hóa chất Hồng Phát	7.291.736	-
Phải thu lãi cho vay	**16.900.164**	-
- Công ty TNHH Hoá chất Hồng Phát	16.900.164	-
Phải trả lãi vay	**13.800.838**	-
- Công ty TNHH Hoá chất Hồng Phát	13.800.838	-

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán và số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến 30/6/2025 đã được soát xét.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ: Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 là kỳ kế toán đầu tiên Công ty áp dụng Thông tư 99/2025/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 27/10/2025. Theo đó, một số số liệu so sánh đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 99/2025/TT-BTC.

26. SỐ LIỆU SO SÁNH (TIẾP)

Bảng so sánh số liệu so sánh đã trình bày đầu năm, kỳ trước, trước và sau khi trình bày lại như sau:

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Chỉ tiêu	Mã số	Số đầu năm (Trước điều chỉnh) VND	Số đầu năm (Sau điều chỉnh) VND
TÀI SẢN			
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	12.179.992.433	67.508.268.489
Phải thu về cho vay ngắn hạn		55.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	135	628.276.056	300.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		**147.829.804.635**	**147.829.804.635**

Phê duyệt, ngày 14 tháng 8 năm 2026

Nguyễn Thị Nga	**Nguyễn Thị Nga**	**Trần Đặng Công**
Người lập biểu	**Quyền Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**